

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 / 2018 / DS - ST

Ngày: 12 / 01 / 2018

“V/v tranh chấp hợp đồng hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Trúc Mai;
2. Ông Nguyễn Quốc Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử công khai vụ án thụ lý số: 237/2017/TLST - DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp: *“Hợp đồng hui”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 572/2017/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Văn C**, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Tổ 11, ấp Phú Thành, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Ngọc H**, sinh năm: 1986;

Ông **Hà Phi L**, sinh năm **1984**

Địa chỉ: Ấp Quốc Phú, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Ông C có mặt, bà H, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông C trình bày: Ông có tham gia chơi hui do bà H làm chủ, hui 2.000.000 đồng, có 22 phần, khởi sự ngày 02/9/2015 AL và khai hui ngày 02 AL hàng tháng, ông tham gia 02 phần và hốt hui chót ở kỳ khai thứ 21 và 22 với tổng số tiền là 80.000.000 đồng, khấu trừ tiền hoa hồng còn lại 76.000.000 đồng nhưng bà H không giao tiền. Trong quá trình chơi hui, ông có thiếu vợ chồng bà H 27.000.000 đồng nên đã khấu trừ phần tiền thiếu vào tiền hui, còn lại 49.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu bà H và ông L cùng có nghĩa vụ trả lại cho ông 49.000.000 đồng, lý do ông yêu cầu ông L cùng có nghĩa vụ trả nợ với bà H vì có vài lần ông L thay mặt bà H đến gặp ông để gom tiền hui, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là bà Trần Thị Ngọc H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên tại biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 08/12/2017 bà H xác nhận những lời trình bày của ông C là đúng, xác định còn nợ ông C 49.000.000 đồng. Riêng việc ông L có đến gặp ông C gom tiền hui, bà H cho rằng do bà bận công chuyện nên nhờ chồng đi lấy tiền chứ việc bà chơi hui thì ông L không hay biết, không tham gia.

Tại phiên tòa, ông C không thay đổi nội dung đã trình bày trong quá trình thụ lý, hòa giải. Ông L, bà H vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn C có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Phú giải quyết buộc bà H và ông L thanh toán 49.000.000 đồng tiền hui chưa giao; các đương sự có nơi cư trú tại huyện An Phú. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Ông L, bà H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông, bà.

[2] Về nội dung vụ án và việc áp dụng pháp luật: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Ngày 02/9/2015 AL, bà H có đứng ra làm chủ 01 dây hui 2.000.000 đồng, hui gồm 22 phần và ông C tham gia 02 phần. Khi tham gia giao dịch, các đương sự là người có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi, việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Khi đến kỳ mở hui ông C là người được lĩnh hui nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ giao phần hui mà ông lẽ ra được nhận nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp. Các bên thống nhất về thời điểm ông C được lĩnh hui là ngày 02/6/2017 AL và 02/7/2017 AL, tức thời điểm quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn bị xâm phạm nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án áp dụng những quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về loại hợp đồng: Việc chơi hui được lập thành văn bản (có danh sách hui viên, kỳ mở hui...), được ông C và bà H xác nhận. Khi đến kỳ lĩnh hui, ông C phải trả một khoản hoa hồng cho bà H và bà H có nghĩa vụ thu phần hui của những hui viên để giao cho ông C.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xác định đây là hui hưởng hoa hồng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 24 Nghị định 144/2006/NĐ-CP. Về quyền và nghĩa vụ của chủ hui, hui viên được thực hiện theo quy định tại các Điều 26 và 27 Nghị định 144/2006/NĐ-CP.

[4] Về nghĩa vụ thanh toán, số tiền phải trả:

Nghĩa vụ thanh toán: Trong vụ án này, các đương sự thống nhất việc chơi hụi là do bà H làm chủ hụi, không có liên quan với ông L. Tuy nhiên tại các buổi làm việc bà H thừa nhận có vài lần bà nhờ chồng là ông L đến nhà của ông C để nhận tiền hụi chưa góp; hôn nhân giữa ông L và bà H vẫn đang tồn tại hợp pháp nên làm phát sinh trách nhiệm liên đới của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặc dù bà H nại rằng ông L không hay biết việc bà làm chủ hụi, không có liên quan tuy nhiên ông L đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến tham gia hòa giải nên xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy buộc ông L và bà H cùng có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền hụi ông được lĩnh là có căn cứ.

Về số tiền phải trả: Quá trình giải quyết vụ án, ông C và bà H thống nhất với nhau về số tiền bà H còn thiếu ông C là 49.000.000 đồng. Do đó buộc ông L và bà H có nghĩa vụ trả cho ông C 49.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Về phương thức thanh toán và lãi suất chậm trả: Việc ông C yêu cầu bà H và ông L phải trả dứt điểm một lần số tiền còn thiếu là không có cơ sở xem xét, bởi lẽ phương thức trả nợ do các bên đương sự tự thỏa thuận tại cơ quan Thi hành án. Về lãi suất do chậm thanh toán, do ông C không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: ông C không phải chịu án phí, ông được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà H và ông L phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, 228, 244, 273 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280, 288, 466, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24, 26, 27 Nghị định 144/2006/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C.

Buộc bà Trần Thị Ngọc H và ông Hà Phi L phải trả cho ông Trần Văn C số tiền 49.000.000 (bốn mươi chín triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Án phí: Bà H và ông L phải chịu 2.450.000 (hai triệu bốn trăm năm chục ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông C không phải chịu án phí, ông được nhận lại số tiền 1.225.000 (một triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002613 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THA H. AP;
- Các đương sự;.
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo